

# Tháp Bà Nha Trang

Nguyễn Bảo Tụng



*"Ngày mai đây Xuân về trên Thiên Quốc  
Non nước Chàm vang dậy tiếng hoan ca"  
(Chế Lan Viên - Điều Tàn)*

Tháp Bà được xây trên một ngọn đồi phía tây bắc thành phố Nha Trang, cách thị xã 2 kilomet sát quốc lộ 1 ngày xưa là đền thờ của người Chàm, nơi thành kính tôn nghiêm mà dân Chàm trong vùng Phú Khánh phải quy tụ về đông đủ trong những ngày lễ ngày nay là nơi sùng bái, luôn luôn phảng phất một vẻ huyền bí linh thiêng, thiện nam tín nữ (không phân biệt người Việt hay người Chàm) các nơi trong ngày rằm và mừng một, tuôn đến hành hương, mang theo lễ vật đèn nhang để cúng vái Thiên Y Thánh Mẫu cũng gọi là "Đức bà Thiên Y A Na."

Tháp Bà gồm 4 Tháp khác nhau và xây dựng tại Thế kỷ VII đến Thế kỷ XII.

Cũng như tất cả các Tháp Chàm khác còn tồn tại trên đất nước ta, Tháp Bà Nha Trang được xây cất theo lối kiến trúc cổ xưa của nền văn minh Chàm. Bốn tháp đều được xây bằng gạch nung, không có vôi ở giữa, người Chàm chỉ phết một lớp "dầu rái" tức là "dầu lông" (*Dipterocarpus Chrispulaus L.*) do một loại cây thân to và rất cao, hiện nay, những loại cây này vẫn còn trước mặt Phố Dầu, cách thị xã Nha Trang 20 kilomet. Khi xếp gạch nền, dầu rái được phết lên, (có khi họ dùng cả mật đường thay dầu rái), người Chàm chất củi thật nhiều trong và ngoài tháp và đốt lửa cho đến khi gạch dính liền với nhau mới thôi, thế mà qua hơn nghìn năm, cái Tháp ấy vẫn trở gan cùng tuế nguyệt.

Tháp chính tức là Đền Poh Nagar tiếng Chàm "Poh Nagar có nghĩa là Bà Chúa một xứ" xứ này là xứ Kaulhara, xưa kia của người Chàm, nằm về phương Bắc, cao 23 mét và lớn nhất được xây cất vào thế kỷ IX (năm 817 sau công nguyên), do ông Pangha một vị thượng thư của vua Harivarman I: Nơi đây ngày xưa là chánh điện của Thánh Trị Malada, Jenagrati Pangro lại cho dựng một bức tượng Bhagavati, nữ thần của xứ Kauthara (Phú Khánh) toàn bằng đá.

Trên cửa vào Tháp, có bức tường chạm thần Civa rất tinh vi, thần có bốn tay chân, chân phải đạp lên đầu con thú Nandin vừa nhảy múa ginta hai nhạc công đang thổi sáo "sanarai."

Trong tháp là một phòng lớn hình chuông úp, thành tường cao chót vót đến tận nóc, chỉ có một lối cửa vào duy nhất. Ở ba phía, du khách chú ý đến 3 vòm tiếp nhận phẩm vật của người hành hương. Chính giữa điện thờ, không khí lờ mờ đục vì thiếu ánh sáng hoặc do những làn khói luôn luôn tỏa từ các đỉnh trầm, du khách sẽ thấy bàn thờ bằng đá cẩm thạch, trên đó có tượng nữ thần Kauthara. Qua dáng vẻ của Poh Nagar Thánh Mẫu, chúng ta có thể hình dung được thần Bhagavati (Thần ban phước), một trong những biến dạng của thần Uma tức là Cakti của thần Civa hoặc nói cách khác "biến thể nữ dạng" của thần Civa.

Giữa khói hương nghi ngút, với vẻ mỹ lệ của đồ nữ trang lộng lẫy, tượng đá. Thiên Y Thánh Mẫu Kauthara, đội mũ hình hoa sen đang xòe nở, óng ánh những hạt trân châu, xung quanh có gắn lông công rực rỡ như xà cừ. Nhìn tổng quát, du khách phải nhận rằng tất cả những vẻ đẹp ấy là cuộc thi thố tài năng và lòng tin tưởng mãnh liệt của dân tộc Chàm.

Thánh mẫu ngồi xếp bằng tròn, có tất cả 10 cánh tay. Hai cánh tay trên duỗi thẳng, bàn tay đặt trên đầu gối. Lòng bàn tay ngửa lên trời như đang ban bố một vật gì, dáng điệu từ bi và thanh thản. Tám tay phụ cầm những vật tượng trưng như: đoản đao, đĩa có cán, mũ tên, ngà voi, cái dùi trống, vỏ mũi giáo và cái ná. Thánh nữ mặc "xà rồng," đội mũ "mukata," tựa lưng trên một cái dựa khắc hình văn tua tủa, giống miệng con quái vật.

Sử chép rằng năm 917, Thiên Hoàng Indravaraman III sai đúc một "kim tượng" (3) (mukhalinga) cho Bhagavati. Năm 965, Java Indrarvarman I cho dựng một tượng Uma, nữ dạng của thần Civa mà ngày nay du khách còn thấy để thay cho Kim tượng.

Tháp Trung Ương cũng gọi là Điện chánh được xây hồi thế kỷ XII, nơi Tháp đã bị hủy hoại do sự xâm lăng của người Mã Lai năm 774 và đã được trùng tu năm 784 do vua Satya Varman.

Tháp phía Nam xây dưới thời Vua Hari Varman I (thế kỷ IX) cũng như Tháp Tủy Bảo và Tháp phía Tây (nay chỉ còn vết tích).

Ngày nay, phía sau tháp, du khách thấy nhiều đồng gạch còn lại của những tháp cũ đã điêu tàn và một tấm bia lớn bằng chữ Hán do Thượng thư bộ lễ triều vua Tự Đức phụng soạn, ngày 20 tháng 5, Tự Đức năm thứ 9 (1856) bia do ông Nguyễn Quýnh, Thông chánh phi sứ điều lãnh Khánh hòa bố chánh dựng.

Bia này ghi lại sự tích ly kỳ của Poh Nagar "Bà Chúa một xứ" mà người Việt quen gọi là Thiên Y Thánh Mẫu hoặc "Đức Bà thiên Y A Na" như sau:

Từ ngàn xưa, một ngày xa xôi lắm, vì lịch sử không có ghi chép rõ là ngày nào, tại làng Đại An, thuộc tỉnh Phú Khánh ngày nay, Thiên Y Thánh Mẫu giáng trần tại núi Chúa. Núi nằm kế cận núi Cù Huynh, phía Đông giáp biển cả. Vùng này hoa nở bốn mùa, trái ngọt quanh năm, đúng là một cảnh thiên tiên nơi hạ giới.

Giữa cảnh thanh bình an lạc ấy, có cặp vợ chồng không con, sống hiu quạnh trong một mái tranh tại ven rừng. Vợ chồng ông lão chuyên trồng dưa để sống độ nhật. Một việc hai ông bà rất để ý, khi dưa chín, thường hay bị mất trộm, vợ chồng ông lão quyết tâm rình bắt cho bằng được đứa trộm dưa.

Một đêm, dưới ánh trăng thanh sau nhiều ngày rình rập, vợ chồng ông lão bắt quả tang một cô bé đã hái cầm trên tay một quả dưa. Bị cật vấn, cô bé cho biết mình sống cô cút lạc loài tại vùng này. Thấy diện mạo dễ thương, thay vì phải trừng phạt, vợ chồng ông lão đem về nuôi dưỡng, nâng niu như con ruột. Cô bé ấy chính là "Thiên Y tiên nữ hóa thân."

Một ngày, làng Đại An bị nước lụt. Cảnh vật quanh vùng bao phủ màu nước trắng xóa. Thiên Y buồn bã ngồi nhìn cảnh rừng núi âm đạm, ngậm ngùi nhớ cảnh cũ người xưa trên tiên giới. Để khuây khỏa sự nhớ nhung, Thiên Y đã hái hoa quả và lượm đá làm một cảnh giả sơn (non bộ) để ngắm. Bực mình vì nạn hồng thủy, ông lão sinh ra cau có, lại thấy Thiên Y cứ suốt ngày đùa nghịch hồn nhiên, nên quả mắng nặng lời. Hối hận vì đã làm buồn lòng dưỡng phụ và một phút thiếu suy nghĩ, Thiên Y biến mình vào một khúc trầm đang bị nước cuốn để trôi giạt đến một nơi vô định.

Sau nhiều ngày lênh đênh trên mặt biển, khúc trầm trôi tấp vào bờ Bắc Hải thuộc địa phận Trung Quốc. Dân chúng tại bờ biển thấy khúc gỗ trầm, mới xúm nhau lại khiêng về dùng, nhưng có đông đảo mấy không tài nào xê dịch nổi khúc gỗ đùng nói đến chuyện khiêng đi. Cho là một chuyện kỳ lạ, dân chúng trong làng xôn xao bàn tán và tin này thấp đến tận Kinh Đô. Thời kỳ ấy, Hoàng đế Trung Quốc chỉ sinh có một Đông Cung Thái Tử diện mạo khôi ngô, tuổi đã hai mươi vẫn chưa chọn được người bạn trăm năm vừa ý. Chàng chu du khắp nước, nhưng không có một thiếu nữ nào có điểm phúc được chàng để mắt đến.

Tin về khúc gỗ lạ lùng đến tai thái tử, cho là một sự lạ, chàng xin phép mẹ cha đến tận nơi quan sát và khi đến nơi, chàng đã chứng kiến trước mắt cảnh người đông nghịt quanh khúc gỗ nhưng dù cố gắng đến bao nhiêu cũng không thể lay chuyển nổi. Tức giận, Thái Tử ra lệnh cho mọi người đứng ra xa để chàng xem khúc gỗ thế nào mà có sức nặng dị thường như thế. Kỳ diệu và lạ lùng thay, khi chàng luồn hai tay qua khúc trầm để nhắc lên, thì chàng lại đưa được bổng lên cao một cách rất nhẹ nhàng. Thái Tử cho rằng khúc trầm có nhiều phép lạ nên chàng ra lệnh chở về Kinh rồi chọn một nơi thanh khiết trong Hoàng Cung để cất giữ tử tế.

Có một đêm, trần trọc mãi không ngủ được, Thái Tử định đến thư phòng để xem sách. Bước nhẹ qua vườn Thượng Uyển, chàng rất kinh ngạc thấy một bóng giai nhân cực kỳ diễm lệ đang rảo bước giữa muôn hoa dưới ánh trăng khi mờ khi tỏ. Nghe tiếng động, bóng ấy vội vàng chạy thoát về phía Hoàng Cung rồi biến mất. Việc xảy ra quá đột ngột và mau lẹ, Thái Tử rất đỗi ngạc nhiên vì nơi đây không có cung tần sao có bóng giai nhân thấp thoáng? Sau nhiều đêm cố tâm rình rập, một đêm nọ Thái Tử chụp được giai nhân trước khi nàng sắp thu hình biến vào khúc trầm.

Thiên Y kể lại tiểu sử của mình cho Thái Tử nghe và yêu cầu được sự che chở của chàng. Khi gặp Thiên Y cho là duyên tiền định, chàng say nhan sắc yêu kiều của Thiên Y nên đánh bạo xin yết kiến vua cha tâu lại sự tình, xin vua cha chấp thuận cuộc hôn nhân với Thiên Y Tiên Nữ.

Vì thương con, nhà vua cho một thầy tướng số giỏi nhất Trung Quốc để xem thuận lợi hay bất thuận về cuộc hôn nhân của con mình và Thiên Y. Sau khi đoán số, thầy tướng tiết lộ cho vua biết Thiên Y vốn là tiên nữ giáng trần và Thái Tử được kết hôn với nàng là một điềm lành cho Trung Quốc.

Thế là hôn lễ được cử hành theo nghi lễ của hoàng gia. Toàn thể dân chúng Trung Quốc hân hoan ăn mừng khi tiếp nhận được

tin lành này. Sau mấy năm phối hợp với Thái Tử, Thiên Y sinh hạ được một con trai tên là Tri và một gái tên là Quý.

Đang sống trong cuộc đời nhung lụa trong cung vàng điện ngọc, nhưng một ngày, Thiên Y chạnh lòng nhớ đến cố hương, làng Đại An nơi dưỡng phụ và dưỡng mẫu đang sống khô héo trong những ngày tàn. Vì quá nhớ thương, Thiên Y quyết trở về quê cũ nên cùng hai con biến mình vào khúc trầm vượt ra biển và nương theo đường cũ trở về làng Đại An.

Về đến nơi thì than ôi! cha mẹ già đã khuất bóng. Lòng hiếu thảo dâng trào, Thiên Y sửa sang lại mái tranh đã sụp đổ và dựng một ngôi chùa, để ngày ngày hương khói dưỡng phụ và dưỡng mẫu.

Từ khi trở lại làng cũ Đại An, Thiên Y giúp ích rất nhiều dân chúng trong vùng được mọi người quý mến. Thiên Y tự tay tạc lấy tượng của mình rồi đem đặt lên chót núi và trong một buổi sang tinh sương, Thiên Y lặng lẽ rời bỏ dân chúng thân yêu làng Đại An cùng hai con trở về Tiên Giới.

Từ ngày vợ cùng hai con bỗng nhiên bỏ đi bất vô âm tín. Thái Tử vô cùng buồn bã. Ít lâu sau, vua cha băng hà, Thái tử phải lên ngôi trị vì Trung Quốc. Sắp đặt xong việc triều chính. Tân Quân mới nghĩ đến việc đi tìm vợ con. Nhớ lại những giờ phút hạnh phúc sống bên nhau, Thiên Y thường nhắc nhở đến quê hương của nàng, làng Đại An thuộc nước thiên Thành, nơi phong cảnh xinh tươi, hoa trái bốn mùa nở rộ, ông ra lệnh chuẩn bị một đội chiến thuyền hùng hậu hộ tống, vượt trùng dương, nhắm hướng Chiêm Thành.

Khi chiến thuyền của Trung Quốc đến hải phận Chiêm Thành nhà vua sai sứ giả vào gặp vua Chiêm Thành bày ý định đi tìm vợ con của mình hiện cư ngụ tại làng Đại An. Nhưng vô ích vì Thiên Y và hai con không còn ở tại làng Đại An nữa.

Vua Trung Quốc bị thất vọng và tình nghi dân chúng Chiêm Thành cố tình dấu Thiên Y nên mới gửi một tối hậu thư đại ý nói trong ba ngày dân chúng Chiêm Thành phải đem nộp Thiên Y và hai con của nàng. Quá hạn, ông sẽ ra lệnh cho quân Trung Quốc đổ bộ tàn sát khắp vùng Đại An. Phần uất vì thái độ đe dọa của Trung Quốc, toàn thể dân Chiêm ráo riết chuẩn bị một cuộc chống xâm lăng, quyết liều chết, không cho quân Tàu đổ bộ.

Ngày thứ ba đã đến. Bầu trời ảm đạm thê lương bao phủ quang cảnh vùng Đại An như báo hiệu một cuộc tàn sát rùng rợn sắp khai diễn. Ngự trên thuyền rồng, vua Trung Quốc vì nóng lòng muốn gặp mặt vợ con và căm giận quan quân Chiêm ngạo mạn, ông ra lệnh cho toàn quân đổ bộ. Thế là, giữa tiếng trống giục quân và tiếng hò hét vang dậy náo động một vùng biển cả, đoàn chiến thuyền Trung Quốc tua tủa khí giới, hùng hổ lướt vào bờ.

Vừa lúc quân đội hai bên sắp lâm chiến thình lình Thiên Y cùng hai con hiện xuống, đứng trên đỉnh núi Chúa, cố gắng ngăn cản cuộc binh đao. Nhưng một khi ba quân đã say máu chiến đấu thì những lời kêu gọi hòa bình của Thiên Y dù có tha thiết đến mấy, cũng chẳng ai quan tâm đến.

Để tránh một cuộc chiến tranh tàn khốc. Bằng phép màu, Thiên Y làm sóng gió nổi ba đào, cố tình gây trở ngại cho đoàn chiến thuyền Trung Quốc không đổ bộ được. Không ngờ sức mạnh của sóng to gió lớn làm chiến thuyền va chạm phải nhau nên đã có một số lớn vỡ tan, chìm sâu dưới đáy biển.

Buồn vì nỗi vợ con thất lạc chưa tìm ra được, lại dồn dập thảm cảnh thiên tai gây thất bại, vua Trung Quốc gieo mình xuống giòng nước, mang theo mối hận tình không bao giờ tan xuống tuyền đài. Bằng hoàng vì đã trót lỡ tay gây thảm họa cho chồng, Thiên Y chỉ còn đứng trơ như hòn đá, ghen ngào nhìn theo đoàn chiến thuyền xô sát còn sót lại đang hoảng hốt tìm đường tẩu thoát. Trước cái chết của vua cha, đứa con trai duy nhất của Thiên Y buồn rầu lặng lẽ ra đi đến một vùng rừng núi âm u rồi sau quy tịch tại đó.

Phần Thiên Y và người con gái lưu lại Đại An và mỗi buổi chiều tà, dân chúng làng Đại An thường thấy bóng nàng và con đứng trên chót núi cao, ngó ra biển để mong tìm lại hình bóng người xưa. Nhưng mặt bể phẳng lặng chỉ còn lưu lại những cột buồm và mảnh thuyền bị đắm. Một thời gian sau, Thiên Y và con gái đều quy thiên tại nơi ấy.

Hiện nay, du khách có dịp đi ngang qua cầu Xóm Bóng để viếng Tháp Bà, sẽ thấy giữa giòng sông lô nhô nhiều khối đá tưởng tượng như những đỉnh cột buồm và mũi thuyền. Trên những khối đá, có khắc nhiều chữ Chàm, và gần đấy, có một ngôi Chùa nhỏ, hương khói quanh năm. Đó là Hòn Chữ, nơi vị Thiên Tử Trung Quốc và ba quân bị trận cuồng phong của Thiên Y, đã vùi mình dưới bể sâu. Những cột buồm và mũi thuyền còn nhô trên mặt biển lâu ngày biến thành đá lưu lại di tích đến ngày nay.

## Tháp Ba Nha Trang

Từ ngày Thiên Y và con quy thiên thì ngoài Hòn Yến thường xảy ra nhiều phép lạ. Dân chúng trong vùng thành tâm cầu khẩn đều được ứng nghiệm. Để tỏ lòng sùng bái Thiên Y đã có công cứu nước (nhưng có biết đâu Nàng ôm hận suốt đời vì đã vô tình giết hại chồng nàng), Chiêm Vương cho xây cất đền thờ và cử người phụng sự khói hương.

Tương truyền rằng ngày xưa, vào dịp ngày vía của Thiên Y mỗi năm, cây cối trong vườn quanh Tháp Bà đều sinh trái ngọt. Dân chúng khắp nơi đổ về hành hương rất đông đảo. Cả đến cầm thú trong vùng cũng qui tụ xung quanh Tháp dường như triều bái vị linh thần.

Việt sử chép: Khi vua Gia Long (1802-1820) bắt đầu lên ngôi đã phong tặng Thiên Y tước hiệu: "Hong Nhon Phổ Tế Linh. Ứng Thương Đẳng Thần" (nghĩa là một vị thần cao cả, xá tội, ban ơn huyền bí linh diệu và được mọi người tôn trọng). Nhà vua cho mộ 3 người trong dân vùng Cù Lao để làm thủ từ, ngày đến quét tước khói hương trong đền. Làng Cù Lao nay vẫn còn, dân cư trú mật, càng ngày càng phát đạt ở cửa biển sông Cái trước mặt điện Poh Nagar.

Huyền thoại trên chỉ là việc sưu tập những kỷ niệm tưởng tượng về thần thoại đạo Bà La Môn, chung quanh nữ thần UMA, thêm vào đó, việc xâm nhập của chiến thuyền Mã Lai năm 774. Đến khi người Việt Nam đến, thiện nam tín nữ mộ đạo, với óc tưởng tượng của người phương Bắc, tạo những mẩu chuyện tiên cách thẩm nhuần của đạo Lào.